

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ CÁT
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 20/8/2020

V/v: "Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đình Quyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Lộc

2. Bà Nguyễn Thị Dung

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Thiện – Kiểm sát viên.



Ngày 20 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 228/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 về việc: "Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con"; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Phan Thị S**; sinh năm: 1992

Trú tại: Thôn T-H-B, xã C-H, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

* Bị đơn: Anh **Lê Nhân H**; sinh năm: 1993

Trú tại: Thôn H-S, xã C-S, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ghi ngày 14/5/2020 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Phan Thị S trình bày:

Chị với anh Lê Nhân H kết hôn vào năm 2016 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán tại địa

phương và đăng ký kết hôn vào ngày 21/4/2016 tại UBND xã C-H, huyện Phù Cát.

Sau khi kết hôn, đời sống hôn nhân của giữa chị và anh H hạnh phúc bình thường đến khi chị sinh con thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ điều kiện kinh tế của vợ chồng quá khó khăn, nhưng bản thân anh H là người rất lười lao động. Trước đây anh H làm công tác Đoàn Thanh niên ở xã C-S và làm Công an viên bán chuyên trách ở xã nên thu nhập từ tiền lương ít ỏi, không đảm bảo đời sống cho gia đình. Khi nhà nước có chủ trương đưa Công an chính quy về cơ sở, do anh H chưa được tuyển dụng vào biên chế nhà nước nên khoảng tháng 11/2018 anh bị cho thôi việc. Từ đó, anh H mất việc làm nhưng không chịu đi tìm việc làm mới để có thu nhập, phụ giúp gia đình nên vợ chồng thường xuyên có lời qua tiếng lại. Vì quá bức xúc với lối sống lười nhác, không có trách nhiệm của anh H, nhiều lần chị dẫn con về nhà cha mẹ của chị sống, nhưng sau đó anh H đến năn nỉ chị quay về sống chung và hứa hẹn sẽ tìm việc làm để lao động, kiếm thu nhập, phụ giúp gia đình. Tin vào lời hứa của anh H, chị quay lại nhà cha mẹ chồng để sống chung. Tuy nhiên, sau đó anh H vẫn không thay đổi lối sống lười lao động, thích hưởng thụ của anh H. Từ năm 2019 đến nay, chị và anh H đã xin việc, được tiếp nhận vào làm việc ở nhiều doanh nghiệp khác nhau trên địa bàn huyện Phù Cát, nhưng với bản tính lười lao động của anh H, không có cơ quan, doanh nghiệp nào anh H làm việc quá 01 tháng rồi sau đó tự ý nghỉ việc. Nhiều lần anh H lừa dối chị, xin tiền chị để khám sức khỏe nộp hồ sơ xin việc chỗ này, chỗ khác, học lái xe ô tô ... nhưng thực tế sau đó chị tìm hiểu thì được biết anh H lừa dối chị để lấy tiền chi tiêu cho bản thân. Mặc dù không có việc làm, không có thu nhập, nhưng anh H lại thường xuyên tụ tập bạn bè để ăn nhậu, khi say rượu anh H có những lời nói xúc phạm chị, thường tỏ ra ghen tuông vô cớ. Có những thời điểm công ty nơi chị làm việc tăng thời giờ làm việc, chị phải làm thêm giờ nên về nhà muộn, anh H cho rằng chị có quan hệ nam nữ không trong sáng nên chửi bới xúc phạm chị. Từ tháng 5/2020 chị bỗng con về nhà cha mẹ của mình ở và sống ly thân với anh H cho đến nay.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Nhân H.

- *Về con chung*: Giữa chị với anh H có 01 người con chung là cháu cháu Lê Phan Kiến Tr – sinh ngày 20/9/2017. Hiện nay cháu Tr đang ở với chị, sức khỏe, thể chất của cháu phát triển bình thường. Nếu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H thì chị yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tr, không yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung*: Chị S không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Lê Nhân H trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh thống nhất với lời trình bày của chị S về thời gian và điều kiện kết hôn.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại nhà cha mẹ ruột của anh ở thôn H-S, xã C-S, huyện Phù Cát. Đời sống hôn nhân của vợ chồng anh lúc đầu hạnh phúc bình thường. Đến năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là những va chạm nhỏ trong đời sống hôn nhân do bất đồng về quan điểm sống, kỹ năng chăm sóc con và do kinh tế vợ chồng rất khó khăn. Bản thân anh làm công tác Đoàn thanh niên ở xã C-S và làm công an viên bán chuyên trách ở xã nên thu nhập từ tiền lương ít ỏi, không đảm bảo đời sống cho gia đình. Từ đó, vợ chồng thương xuyên có lời qua tiếng lại. Tuy nhiên, đó là những mâu thuẫn nhỏ nhất nên vợ chồng tự hòa giải với nhau. Gần đây, khi ngành Công an có chủ trương đưa Công an chính quy về cơ sở, bản thân anh chưa được tuyển dụng vào biên chế nhà nước nên không được sắp xếp lại việc làm và bị cho thôi việc. Từ đó, kinh tế vợ chồng càng khó khăn hơn. Chị S cho rằng bản thân anh là người chồng, người cha trong gia đình nhưng không làm gì ra tiền để phụ giúp gia đình nên vợ chồng tiếp tục lời qua tiếng lại. Tháng 5 năm 2020, chị S gửi đơn đến Tòa án yêu cầu ly hôn rồi chồng con về nhà cha mẹ của mình sống cho đến nay.

Nay anh nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng tôi không gay gắt đến mức độ phải ly hôn mà vẫn có thể hòa giải để đoàn tụ. Mặt khác, bản thân anh vẫn còn thương yêu chị S nên anh không đồng ý ly hôn. Nguyên vọng của anh là mong muốn vợ chồng hòa giải để được đoàn tụ.

- *Về quan hệ con chung*: Vợ chồng có 01 người con chung như chị S trình bày là đúng. Hiện nay cháu Tr đang ở với chị S, sức khỏe, thể chất của cháu phát triển bình thường. Nếu Tòa án giải quyết cho anh và chị S ly hôn, vì hiện nay cháu Tr chưa được 36 tháng tuổi, cần có sự chăm sóc của mẹ nên anh đồng ý giao con cho chị S nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con giữa anh và chị S tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về quan hệ tài sản*: Tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng anh không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án này.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

** Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án:*

- Bản gốc giấy chứng nhận kết hôn giữa chị Phan Thị S với anh Lê Nhân H đăng ký kết hôn vào ngày ngày ngày 21/4/2016 tại UBND xã C-H, huyện Phù Cát;

- Bản sao Chứng minh nhân dân của nguyên đơn và bản sao sổ hộ khẩu gia đình do anh Lê Nhân H đứng tên chủ hộ;

- Bản sao giấy khai sinh của cháu Lê Phan Kiến Tr – sinh ngày 20/9/2017 – là con chung chưa thành niên giữa chị S và anh H.

** Tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp:*

Bị đơn anh Lê Nhân H không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình.

** Chứng cứ Tòa án thu thập được:*

- Biên bản ghi lời khai của nguyên đơn chị Phan Thị S vào ngày 01/6/2020;

- Biên bản ghi lời khai của bị đơn anh Lê Nhân H vào ngày 01/6/2020.

- Biên bản xác minh tại Hội phụ nữ xã C-S, huyện Phù Cát vào ngày 23/7/2020 xác minh về nguyên nhân phát sinh tranh chấp ly hôn giữa chị Phan Thị S và anh Lê Nhân H; điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung chưa thành niên sau ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] – Xét về thủ tục tố tụng:

Chị Phan Thị S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Nhân H. Đây là một trong những tranh chấp về Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Cát quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên yêu cầu khởi kiện của chị S được Tòa án chấp nhận.

[2] – Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị S với anh Lê Nhân H kết hôn vào năm 2016, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương và tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND xã C-H, huyện Phù Cát vào ngày 21/4/2016. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, cả chị S và anh H đều đáp ứng đầy đủ các điều kiện kết hôn được quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; thẩm quyền đăng ký kết hôn và thủ tục đăng ký kết hôn phù hợp với quy định tại các Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình – 2014, Điều 17, Điều 18 Luật Hộ tịch - 2014. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh H được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp .

[2.2] Theo nguyên đơn chị Phan Thị S trình bày, sau khi kết hôn, đời sống hôn nhân giữa chị và anh H hạnh phúc bình thường. Đến năm 2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn gay gắt. Nguyên nhân chủ yếu làm phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do anh H thích hưởng thụ nhưng lười lao động. Sau khi nghỉ việc tại Công an xã C-S, anh H đã được nhiều doanh nghiệp khác nhau trên địa bàn huyện Phù Cát nhận vào làm việc, nhưng sau đó anh H tự ý bỏ việc giữa chừng. Mặc dù không có thu nhập, nhưng anh H lại thường xuyên tụ tập bạn bè

để ăn nhậu, khi say rượu thì chửi bới, xúc phạm chị, thường tỏ ra ghen tuông vô cớ và không tạo điều kiện cho chị làm việc. Từ tháng 5/2020 đến nay chị và anh H sống ly thân, mỗi người một nơi, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Bị đơn anh Lê Nhân H thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn như chị S trình bày là đúng. Tuy nhiên, theo anh thì mức độ mâu thuẫn không đến mức phải ly hôn nên anh không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị S.

[2.3] Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn chị Phan Thị S, ý kiến phản bác của bị đơn anh Lê Nhân H, đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quan hệ hôn nhân, vợ chồng bình đẳng với nhau về mọi mặt, phải có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; phải có thái độ tôn trọng nhau, cùng chia sẻ và tạo điều kiện cho nhau cùng tiến bộ. Tuy nhiên, sau khi bị cho thôi việc làm Công an viên xã C-S, anh H thụ động tìm kiếm việc làm mới để có thu nhập, cùng chị S chia sẻ, gánh vác đời sống kinh tế của gia đình. Từ năm 2018 đến nay, mặc dù được nhiều doanh nghiệp trên địa bàn huyện Phù Cát nhận vào làm việc, nhưng anh chỉ vào làm việc trong khoảng thời gian ngắn, sau đó chủ động nghỉ việc vì cho rằng mức thu nhập thấp và không thích nghi với môi trường lao động trong các doanh nghiệp. Đây là một phần nguyên nhân làm phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Đã vậy, anh H lại không thông cảm, tạo điều kiện cho chị S làm việc, luôn nghi ngờ lòng chung thủy mỗi khi Công ty nơi chị S công tác tăng thêm thời giờ làm việc, làm cho mức độ mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt hơn. Đỉnh điểm của sự mâu thuẫn là sau khi gửi đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn, chị S bỗng con về nhà cha mẹ ruột của mình ở thôn T-H-B, xã C-H, huyện Phù Cát ở và chủ động sống ly thân với anh H cho đến nay. Bản thân anh H mong muốn vợ chồng hòa giải để được đoàn tụ nên trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Tòa án đã kiên trì hòa giải để các bên chia sẻ, bỏ qua thiếu sót của nhau, cùng nhau quay về đoàn tụ, nhưng cuối cùng tình cảm vợ chồng cũng không cải thiện được, chị S vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh H đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình – 2014 nên HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị S, xét cho chị được ly hôn với anh H.

[2.4] Về con chung: Giữa chị S với anh H có 01 người con chung chưa thành niên là cháu Lê Phan Kiến Tr – sinh ngày 20/9/2017. Hiện nay sức khỏe, thể chất của cháu Tr đang phát triển bình thường, cháu đang ở với chị S. Nếu ly hôn, chị S yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con, không yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu về việc nuôi con của chị S được anh H chấp nhận, phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81

Luật hôn nhân và gia đình – 2014 nên HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận giữa các bên. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn các đương sự không tranh chấp nên HĐXX không xét.

[2.5] Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Các đương sự không có tranh chấp nên HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[3] Về án phí DSST: Theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa XIV, chị Phan Thị S phải chịu án phí ly hôn.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX; việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đồng thời, ý kiến của Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186, các Điều 264, 266, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

[1]- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị S về việc yêu cầu ly hôn với anh Lê Nhân H và yêu cầu nuôi con chung sau ly hôn.

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị S được ly hôn với anh Lê Nhân H.

[1.2] Về quan hệ con chung: Chị Phan Thị S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên giữa chị S và anh H là cháu Lê Phan Kiến Tr – sinh ngày 20/9/2017; nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con các đương sự không tranh chấp nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

[1.3]. Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Các đương sự đều không có tranh chấp nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2]-Án phí DSST: Chị Phan Thị S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu

số 0008752 ngày 01/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

[3]- Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Phù Cát;
- THADS huyện Phù Cát;
- UBND xã C-H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Đình Quyền